

Số: 2452/ĐLKH-TKCT

Khánh Hòa, ngày 26 tháng 8 năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Mã chứng khoán: KHP

Địa chỉ trụ sở chính: 11 Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang – Khánh Hòa.

Điện thoại: 0582.220220

Fax: 0583.823828

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Cao Ký

Địa chỉ: 11 Lý Thánh Tôn – TP Nha Trang – Khánh Hòa

Điện thoại: 0582.220220

Fax: 0583.823828

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty Điện lực miền Trung (EVNCPC) điều chỉnh giá bán điện và lợi nhuận định mức năm 2015 cho Công ty như nội dung tại quyết định 5784/QĐ-EVNCPC ngày 25/08/2015 được đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 26/08/2015 tại địa chỉ [www.khpc.com.vn](http://www.khpc.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TKCT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**   
  
**Nguyễn Cao Ký**

*Đà Nẵng, ngày 25 tháng 08 năm 2015*

Số: ~~58/14~~ QĐ-EVN CPC

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh giá bán điện năm 2015 cho**  
**Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Điện lực miền Trung ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-EVN ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 7041/QĐ-EVNCPC ngày 12/12/2014 của Chủ tịch Tổng công ty Điện lực miền Trung về việc ban hành Quy định lập kế hoạch tài chính, giao giá bán điện nội bộ trong Tổng công ty Điện lực miền Trung;

Theo đề nghị của Ông Kế toán trưởng Tổng Công ty,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá bán điện điều chỉnh năm 2015 giữa Tổng Công ty Điện lực miền Trung và **Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa** để thỏa thuận hợp đồng mua bán điện (giá chưa có thuế VAT), như sau:

- Giá giờ cao điểm
  - + Giá giờ cao điểm các tháng 1,2,3, 10, 11,12 : 2.185,8 đ/kWh
  - + Giá giờ cao điểm các tháng 4,5,6 : 2.291,7 đ/kWh
  - + Giá giờ cao điểm các tháng 7,8,9 : 2.066,5 đ/kWh
- Giá giờ thấp điểm : 728,6 đ/kWh
- Giá giờ bình thường : 1.324,7 đ/kWh
- Giá bán bình quân : 1.367,9 đ/kWh

**Điều 2.** Mức giá trên được áp dụng từ ngày 01/01/2015.

**Điều 3.** Lợi nhuận định mức (lợi nhuận sau thuế 1% Vốn điều lệ): **5.327 triệu đồng.**

Yêu cầu **Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa** phấn đấu tăng giá bán bình quân, tăng doanh thu, giảm tổn thất, thực hiện tiết kiệm chi phí để phấn đấu lợi nhuận.

**Điều 4.** Ông Kế toán trưởng Tổng công ty, các Trưởng Ban Tổng công ty có liên quan và Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Khánh Hòa căn cứ quyết định thi hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- EVN (báo cáo);
- KSV chuyên trách;
- Các Ban: KH, KT, KD, TC&NS, QHCB;
- Lưu: VP, TCKT.



CHỦ TỊCH

*[Handwritten signature]*  
**Trần Đình Nhân**

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN TRUNG

Công ty: Cổ phần Điện lực Khánh Hòa

(Phụ lục kèm theo Quyết định số: 34/QĐ-EVNCP ngày 25/08 /2015 của Tổng công ty Điện lực miền Trung)

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH năm 2014	EVN CPC giao kế hoạch đầu năm 2015	EVN CPC giao kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Sản lượng điện SX</b>	<b>triệu kWh</b>	<b>0,146</b>	<b>0,140</b>	<b>0,140</b>	
1	Diesel	-	0,146	0,140	0,140	
<b>II</b>	<b>Sản lượng điện mua IPP&lt;30 MW</b>	-	-			
<b>III</b>	<b>Chỉ tiêu KTKT</b>					
	Tỷ lệ điện dùng để truyền tải và phân phối	%	5,79	5,90	5,70	
	Suất tiêu hao	g/kWh		318,00	318,00	
<b>IV</b>	<b>Sản lượng điện mua nội bộ EVNCP</b>	<b>triệu kWh</b>	<b>1.642,902</b>	<b>1.779,100</b>	<b>1.824,000</b>	
	6 Tháng đầu năm	-	774,409	827,600	859,773	
	<i>Cao điểm 1-3</i>	-	70,423	74,800	78,185	
	<i>Cao điểm 4-6</i>	-	86,030	93,000	95,514	
	<i>Thấp điểm</i>	-	169,528	180,200	188,215	
	<i>Bình thường</i>	-	448,428	479,600	497,858	
	6 tháng cuối năm	-	868,493	951,500	964,227	
	<i>Cao điểm 7-9</i>	-	89,612	98,200	99,490	
	<i>Cao điểm 10-12</i>	-	86,317	94,600	95,832	
	<i>Thấp điểm</i>	-	189,146	207,200	209,995	
	<i>Bình thường</i>	-	503,418	551,500	558,910	
<b>V</b>	<b>Sản lượng điện thương phẩm</b>	<b>triệu kWh</b>	<b>1.547,060</b>	<b>1.673,000</b>	<b>1.720,000</b>	
<b>VI</b>	<b>Giá bán điện thương phẩm bình quân</b>	<b>đ/kWh</b>	<b>1.625,92</b>	<b>1.620,00</b>	<b>1.727,00</b>	
<b>VII</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>2.531.583</b>	<b>2.717.260</b>	<b>2.977.440</b>	
1	Doanh thu điện	Tr. Đồng	2.515.403	2.710.260	2.970.440	
2	Công suất phản kháng	-	3.936	2.000	2.000	
3	Trợ giá	-	1.267	0	0	
4	Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	-	10.977	5.000	5.000	
<b>VIII</b>	<b>Giá bán điện nội bộ</b>	<b>đồng/kWh</b>	<b>1.232,7</b>	<b>1.243,5</b>	<b>1.367,9</b>	
	6 Tháng đầu năm		1.244,8	1.255,3	1.379,9	
	<i>Cao điểm 1-3</i>	-	1.969,8	1.986,3	2.185,8	
	<i>Cao điểm 4-6</i>	-	2.065,3	2.082,6	2.291,7	
	Hệ số h 1-3		1,65	1,65	1,65	
	Hệ số h 4-6		1,73	1,73	1,73	
	<i>Thấp điểm</i>	-	656,6	662,1	728,6	
	Hệ số i		0,55	0,55	0,55	
	<i>Bình thường</i>	-	1.193,8	1.203,8	1.324,7	
	6 tháng cuối năm		1.222,9	1.233,3	1.357,1	
	<i>Cao điểm 7-9</i>	-	1.862,3	1.877,9	2.066,5	
	<i>Cao điểm 10-12</i>	-	1.969,8	1.986,3	2.185,8	
	Hệ số h 7-9		1,56	1,56	1,56	
	Hệ số h 10-12		1,65	1,65	1,65	



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2014	EVN CPC giao kế hoạch đầu năm 2015	EVN CPC giao kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
	<b>Thấp điểm</b>		<b>0,0</b>	<b>662,1</b>	<b>728,6</b>	
	Hệ số i		0,00	0,55	0,55	
	<b>Bình thường</b>		<b>1.193,8</b>	<b>1.203,8</b>	<b>1.324,7</b>	
<b>IX</b>	<b>Chi phí mua điện nội bộ</b>	Tr. Đồng	<b>2.025.128</b>	<b>2.212.370</b>	<b>2.494.960</b>	
<b>X</b>	<b>Chi phí phân phối điện</b>	-	<b>451.678</b>	<b>460.264</b>	<b>477.153</b>	
1	Nhiên liệu	-	944	1.052	746	
2	Vật liệu	-	22.919	27.437	28.208	16,40 đ/kWh
3	Lương và BHXH	-	179.031	178.482	194.086	
	- Tiền lương	-	167.681	167.133	181.408	
	- BHXH, BHYT, KPCĐ	-	11.349	11.349	12.678	
4	Khấu hao TSCĐ	-	108.976	125.797	125.797	
5	Chi phí mua điện IPP < 30 MW	-	0			
6	Các khoản dịch vụ mua ngoài	-	12.181	13.317	13.691	7,96 đ/kWh
7	Chi phí SCL	-	36.849	42.011	42.011	3% NG TSCĐ năm 2012 (không bao gồm NGTS đánh giá lại)
8	Chi phí bằng tiền	-	42.482	47.554	45.158	
	- Thuế tài nguyên	-				
	- Thuế đất	-	267	4.000	267	
	- Lãi tiền vay dài hạn	-	9.935	10.930	10.930	
	- Ăn ca	-	8.569	8.600	9.262	
	- Dự phòng nợ khó đòi, TCMVL	-	506	-	-	
	- Chi phí bằng tiền khác	-	23.205	24.024	24.699	14,36 đ/kWh
9	Chi phí phát triển khách hàng	-	11.946	14.321	14.723	8,56 đ/kWh
10	Chi phí tiết kiệm điện	-	411	2.580	2.580	1,5 đ/kWh
13	Chi phí chăm sóc khách hàng	-	559	3.440	3.440	2 đ/kWh
14	Chi phí quấy giao dịch khách hàng	-	324			
15	Chi phí quản lý vận hành lưới điện 110 kV	-	6.408			
16	Chi phí vận hành kinh doanh lưới điện nông thôn	-	8.272	8.272	5.213	
17	Chi phí hóa đơn điện tử	-	568			
18	Chi phí đo xa	-	861			
19	Chi phí kiểm định công tơ	-			2.000	
20	Chi phí thay thế công tơ điện tử	-	23.864		3.500	
<b>XI</b>	<b>Các khoản tăng, giảm giá thành điện</b>	-	<b>-4.916</b>	<b>-4.000</b>	<b>-4.000</b>	
1	Chênh lệch tỷ giá	-	1.047			
2	Giảm giá thành về cho thuê cột điện	-	-4.067	-4.000	-4.000	
3	Giảm giá thành do thanh lý nhượng bán vật tư thu hồi	-	-1.896			
4	Giảm giá thành do thanh lý nhượng bán TSCĐ	-				
<b>XII</b>	<b>Lợi nhuận SXKD điện (sau khi tăng, giảm các khoản trên)</b>	-	<b>54.777</b>	<b>44.626</b>	<b>5.327</b>	
<b>XIII</b>	<b>Giá thành phân phối điện bình quân (trừ chi phí điện mua)</b>	-	<b>291</b>	<b>274</b>	<b>277</b>	

